

**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

(Tăng vốn từ 19,8 tỷ lên 70 tỷ đồng)

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**
- Địa chỉ : Tổ 11 Phường Tân Hòa, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
- Điện thoại : 02183.854515/855.667 Fax: 02183.854138
- Vốn điều lệ : 19.800.000.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.980.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Đăng ký kinh doanh số: 5400213153, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/11/2016 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình.
- Tên viết tắt/Mã chứng khoán: SCC
- Sàn giao dịch : UPCOM
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Khai thác đá, cát sỏi, đất sét.
 - + Khai khoáng khác (Khai thác tận thu nguyên liệu sản xuất xi măng).
 - + Sản xuất bao bì giấy (Vỏ bao xi măng).
 - + Sản xuất xi măng.
 - + Xây dựng nhà các loại.
 - + Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác (Công nghiệp, vỏ bao che).
 - + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - + Bán lẻ đồ ngũ kim, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
 - + Hoạt động dịch vụ tài chính khác: Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức cá nhân.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC PHÁT HÀNH

- Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

III. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Sau khi cổ phần hóa từ Công ty CP Xi măng Sông Đà vào năm 2005, vốn điều lệ của Công ty duy trì ở mức 19,8 tỷ đồng cho đến thời điểm hiện tại. Trải qua nhiều năm hoạt động, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình vào năm 2016, đồng thời tiến hành nhiều thay đổi quan trọng trong bộ máy tổ chức quản lý, cũng như hệ thống sản xuất kinh doanh. Cho đến thời điểm hiện tại, số vốn điều lệ 19,8 tỷ đồng đã không còn đảm bảo đủ cho hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty cũng như các chiến lược kinh doanh dài hạn. Do đó, việc tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh của SCC, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đảm bảo năng lực tài chính, cơ cấu vốn tối ưu, giảm thiểu các khoản nợ vay từ các tổ chức tài chính.

Thứ hai, nâng cao năng lực đầu tư cho SCC: đầu tư hệ thống hạ tầng cảng Sông Đà, hệ thống máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Thứ ba, tăng năng lực tài chính để đủ điều kiện thực hiện hiện các dự án đầu tư lớn, tham gia đấu thầu cho các dự án trọng điểm của Nhà nước... giúp cho Công ty mở ra nhiều cơ hội phát triển trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Cùng với đó, mục đích tăng vốn điều lệ của SCC nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động trên mọi lĩnh vực kinh doanh, xây dựng hình ảnh và vị thế của Công ty ngày một phát triển hướng đến đưa SCC trở thành một trong những doanh nghiệp kinh doanh, dịch vụ hàng đầu tại tỉnh Hòa Bình trong mục tiêu đến năm 2025.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phát hành:

- | | |
|--|------------------------|
| - Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| - Mệnh giá | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| - Khối lượng phát hành | : 5.020.000 cổ phiếu |
| - Tổng giá trị cổ phiếu phát hành tính theo mệnh giá | : 50.200.000.000 đồng |

- Vốn điều lệ của Công ty trước khi phát hành : 19.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành : 70.000.000.000 đồng

2. Phương án phát hành:

- Khối lượng phát hành: 5.020.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức phát hành: Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư
- Đối tượng được phát hành: Theo Phụ lục 01 đính kèm
- Quy định hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phần chào bán riêng lẻ bị **hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm** kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Xử lý cổ phiếu không phân phối hết:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền phân phối số cổ phiếu mà những đối tượng được mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ không đăng ký mua hết với giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần. HĐQT được toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết mà không cần phải thực hiện lấy ý kiến ĐHCĐ và không cần phải thực hiện chào mua công khai kể cả trong các trường hợp sau:

- + Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu phải chào mua công khai.
- + Chào bán, phát hành dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức hoặc cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân, người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của SCC.

3. Thời gian chào bán

Dự kiến trong năm 2019 – 2020, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đợt chào bán. Thời điểm cụ thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

4. Lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên sàn giao dịch Upcom và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam sau khi hoàn tất đợt phát hành.

5. Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến

Tổng số vốn tối thiểu cần huy động từ đợt phát hành dự kiến là 50,2 tỷ đồng. Trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định điều chỉnh phương án sử dụng vốn, đảm bảo nguyên tắc không ảnh hưởng đến nguồn vốn và hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty hoặc tiến hành huy động các nguồn khác để bù đắp số vốn còn thiếu.

6. Phương án sử dụng vốn

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 50,2 tỷ đồng sẽ được sử dụng như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
6.1	Bổ sung Vốn lưu động	20.265.000.000
6.2	Đầu tư Tài sản cố định	3.700.000.000
6.3	Đầu tư mở rộng Cảng thủy nội địa xi măng Sông Đà	21.000.000.000
6.4	Thanh toán tiền sửa chữa khu nhà Văn phòng	5.235.000.000
	Tổng cộng	50.200.000.000

6.1. Bổ sung vốn lưu động

a) Tình hình tài chính của SCC

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Tiền mặt	336.227.305	2.207.211.707	67.758.404
Tiền gửi ngân hàng	7.192.602	38.195.552	43.758.140
Phải thu khách hàng	6.933.772.520	9.062.307.685	7.777.599.863
Phải thu về cho vay ngắn hạn	0	2.954.603.403	2.724.603.403
Phải thu ngắn hạn khác	875.197.288	859.521.922	2.203.510.130
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.174.581.775	1.800.000.000	2.440.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.113.027.609	9.363.027.609	6.923.027.609
Vốn chủ sở hữu	6.557.334.532	10.221.590.952	3.431.717.317
Tổng Tài sản	35.004.027.623	38.278.215.782	30.615.502.053
Doanh thu	7.029.497.143	20.486.377.764	577.981.652
Lợi nhuận	-2.874.094.247	3.664.256.420	-6.789.873.635

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Hưng Long

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán 3 năm gần nhất 2016, 2017 và 2018, có thể thấy Công ty hiện đang trong tình trạng mất cân đối tài chính ở mức cao, cơ cấu tài chính kém hiệu quả. Công ty phải duy trì hoạt động thường xuyên qua hình thức vay nợ tài chính thiếu an toàn, mặt khác, việc duy trì tỷ trọng nợ/vốn chủ sở hữu rất cao như hiện nay khiến cho các đối tác của Công ty lo ngại. Lượng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng cũng duy trì ở mức rất thấp, không đảm bảo cho hoạt động kinh doanh hàng ngày cũng như đầu tư trong dài hạn.

b) Kế hoạch và nhu cầu vốn lưu động

Theo Kế hoạch phát triển 5 năm từ 2020 – 2025 của Công ty, Công ty định hướng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, bao gồm:

+ Kinh doanh các sản phẩm Đất đá, Cát nhân tạo các loại;

+ Kinh doanh Than cám phục vụ nhà máy xi măng Điện Biên và khách hàng trong khu vực Tây Bắc Bộ.

Công ty đặt mục tiêu trở thành một trong những nhà cung cấp hàng đầu các sản phẩm vật liệu xây dựng trong khu vực cho các dự án giao thông lớn, trọng điểm của tỉnh Hòa Bình như Dự án đường cao tốc Hòa Bình – Sơn La, Dự án Cầu Hòa Bình 2, Dự án cầu Hòa Bình 3, ... và các dự án bất động sản trong khu vực của Phú Mỹ Hưng, Geleximco, FLC

c) Dự kiến doanh thu và nhu cầu vốn của hoạt động thương mại:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Sản phẩm	Đầu vào	Đầu ra	Sản lượng (năm)	Doanh thu (năm)	Vòng quay vốn (năm)	Nhu cầu vốn ngắn hạn	Vốn ngân hàng	Vốn tự có
1	Đất, đá, cát	Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty CP Bê Tông và Xây dựng Thăng Long Hòa Bình	121.600 m ³	9.984	6	1.664	499	1.165
2	Đất, đá, cát		DN Tư nhân Lê Nguyên Thanh Thủy	33.600 m ³	9.158	6	1.526	458	1.068
3	Đất, đá, cát		Công ty CP Thương Mại Hưng Ngọc Phú Thọ	45.000 m ³	11.400	6	1.900	570	1.330
4	Đất, đá, cát		Công ty TNHH Thương mại Vận Tải và Xây dựng Tây Sơn	48.000 m ³	3.360	6	560	192	368
5	Than cám	Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Than Tây Bắc	Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên	70.000 tấn	140.000	6	23.333	7.000	16.333
Tổng					173.902		28.984	8.719	20.265

d) Hiệu quả đầu tư

Dự kiến kết quả kinh doanh năm 2020 của mảng thương mại vật liệu xây dựng:

TT	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
A	DOANH THU	174.000.000.000
1	Đất, đá, cát các loại	34.000.000.000
2	Than cám	140.000.000.000
B	CHI PHÍ	165.200.000.000
I	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	139.200.000.000
1	Đá, cát và cát nhân tạo	27.200.000.000
2	Than cám	112.000.000.000
II	CHI PHÍ CHUNG	26.000.000.000
1	Chi phí tiền điện + nước	6.000.000.000
2	Chi phí lương	10.000.000.000
3	Vật tư + CP lãi vay	5.000.000.000
4	Chi phí khác	5.000.000.000
C	LỢI NHUẬN THUẦN	8.800.000.000

6.2. Đầu tư tài sản cố định

Để phục vụ cho hoạt động vận chuyển và bốc xếp hàng hóa cát, đá và than, Công ty dự kiến sẽ đầu tư một số xe chuyên dụng và 1 xe con. Các xe dự kiến được mua từ Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên, đây là đối tác đã có nhiều quan hệ trong kinh doanh với SCC và cũng có các tài sản phù hợp với hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

Công ty dự kiến đầu tư tài sản cố định là các tài sản sau:

Đơn vị: đồng

TT	Tài sản	Số lượng	Giá trị định giá (*)	Ghi chú
1	Xe xúc đào	1	1.120.000.000	Xe đã qua sử dụng
2	Xe đầu kéo	2	1.880.000.000	Xe đã qua sử dụng
3	Xe con KIA Sorento	1	650.000.000	Xe đã qua sử dụng
4	Chi phí chuyển nhượng, phí thuế		50.000.000	
Tổng			3.700.000.000	

(*) Giá trị định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 1013/2019/ĐG-AC ngày 09/10/2019 của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán quốc tế (AC), công ty nằm trong danh sách công ty kiểm toán được được cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của Bộ Tài chính.

6.3. Đầu tư mở rộng Cảng thủy nội địa xi măng Sông Đà

a) Thông tin Cảng

- Tên cảng: Cảng thủy nội địa xi măng sông Đà
- Vị trí: Từ Km49 +00 đến Km49 +256 bờ trái Sông Đà, thuộc địa phận phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
- Loại cảng: Cảng chuyên dùng xếp dỡ hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Vùng đất của cảng: Diện tích 36.109,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 7400175 ngày 13 tháng 12 năm 2013, do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp.

b) Nhu cầu thị trường

Hòa Bình có vị trí địa lý kết nối với thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận bằng đường bộ, đường sông với khoảng cách khoảng 100 km đường bộ và kết nối đường sông với Hà Nội và các tỉnh lân cận thông qua Sông Đà, một số cảng hàng hóa trọng yếu kết nối đường thủy nội địa và giao thông đường bộ, gồm: Cảng Nhà máy xi măng sông Đà; Cảng Ba cấp; Cảng Xuân Thiện- Lạc Thủy. Đối với cảng hành khách đến năm 2020, Cảng Thung Nai đạt công suất 200.000 hành khách/năm, Cảng Vịnh Ngòi Hoa đạt 120.000 khách/năm; Cảng Đảo Sung, Cảng Kho Ba đầu tư đủ điều kiện phục vụ nhu cầu của khách du lịch đi và đến.

Với vị trí địa lý như vậy có thể thấy Hòa Bình nằm ở vị trí hết sức chiến lược, có thể xây dựng các dịch vụ trung chuyển cho các loại hàng như hàng tổng hợp, hàng container, hàng lỏng (xăng, dầu) cụ thể: dịch vụ kho, cảng, bến bãi... phục vụ trung chuyển cho các tỉnh Tây Bắc.

Trên cơ sở đánh giá cơ bản về nhu cầu về nguồn hàng cung cấp cho các tỉnh Tây Bắc kết hợp cung cấp cho các tỉnh Bắc Lào và Tây Nam Trung Quốc, có thể thấy nhu cầu về sản lượng sẽ ngày càng phát triển. Ngược lại nguồn hàng có nhu cầu vận chuyển ra khỏi Tây Bắc cũng ngày càng tăng. Khả năng về đường bộ đáp ứng nhu cầu hàng hóa này ngày càng khó khăn, vì vậy cần thiết thiết lập khu vực cảng, kho và cải tạo đường sông đủ đảm bảo nhu cầu là trạm trung chuyển hàng hóa và vận chuyển hàng hóa một cách có hiệu quả.

c) Kế hoạch và nhu cầu đầu tư

Công ty hiện đang quản lý Cảng thủy nội địa xi măng sông Đà có vị trí từ Km49+00 đến Km49+256 bờ trái sông Đà, thuộc địa phận Thành phố Hòa Bình. Đây là cảng chuyên dùng cấp 4, có diện tích kho bãi rộng hơn 25.300 m² được sử dụng để xếp dỡ hàng hóa phục vụ sản xuất của công ty. Tuy nhiên trong những năm vừa qua, do hoạt động kinh doanh thiếu ổn định nên bỏ trống và chưa tận dụng hết được tiềm năng của Cảng này. Công ty dự kiến đầu tư cơ sở vật chất để khai thác các dịch vụ bến cảng, dịch vụ bốc, xếp dỡ hàng hóa cho công ty và cả các đối tác lân cận. Hiện tại Công ty đang sử dụng và khai thác cảng theo Quyết định số 1033/QĐ-CDTND ngày 25/08/2015 của Cục Đường Thủy nội địa Việt Nam có hiệu lực đến hết ngày 30/08/2020. Trước khi hết thời hạn nêu trên, Công ty sẽ làm thủ tục gia hạn sử dụng và khai thác Cảng với

thời hạn tối thiểu là 5 năm tiếp theo. Việc cấp phép gia hạn thời hạn sử dụng và khai thác Cảng được Công ty đánh giá là khả thi do Công ty đã nhiều lần thực hiện các thủ tục gia hạn tương tự.

Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, kho bãi cảng để thực hiện hoạt động kinh doanh nhập xuất hàng trong năm 2019-2020 của Công ty như sau:

- Thời gian đầu tư dự kiến: 6 tháng
- Các hạng mục đầu tư dự kiến:
 - + Vật tư hệ thống nhập hàng số 1
 - + Xây dựng hệ thống nhập hàng số 1
 - + Vật tư hệ thống xuất hàng số 1
 - + Xây dựng hệ thống nhập hàng số 1
 - + Vật tư hệ thống xuất hàng số 2
 - + Xây dựng hệ thống xuất hàng số 2
 - + Xây dựng hệ thống xuất hàng số 3
 - + Hạng mục phụ trợ
- Tổng giá trị đầu tư dự kiến: 21.000.000.000 đồng

d) Hiệu quả đầu tư

Dự kiến kết quả kinh doanh năm 2020-2021 của mảng kinh doanh dịch vụ bến cảng:

Đơn vị: đồng

TT			Đơn giá	2020	2021
I	DOANH THU DỊCH VỤ			7.588.800.000	16.695.360.000
1	Cước tàu chở đá 2 tàu 3 tháng	192 m3	40.000	3.840.000.000	8.448.000.000
3	Cước xe đầu kéo 2 con xe	124.8 m3	12.000	748.800.000	1.647.360.000
4	Dịch vụ bến cảng			3.000.000.000	6.600.000.000
II	CHI PHÍ CHUNG			5.700.000.000	12.540.000.000
1	Chi phí tiền điện + nước	12 Tháng	60.000.000	360.000.000	792.000.000
2	Chi phí dầu cho 2 xe + Sửa chữa	12 Tháng	60.000.000	360.000.000	792.000.000
3	Tiền dầu máy xúc 2 máy + Sửa chữa	12 Tháng	70.000.000	420.000.000	924.000.000
3	Chi phí cho tàu (Tiền thuê+Dầu+Lương+CP	240 Chuyến	30.000.000	1.600.000.000	3.520.000.000

	khác)				
4	Chi phí lương CBCNV	12 Tháng	110.000.000	660.000.000	1.452.000.000
5	Vật tư + CP chung khác (lãi vay..)	12 Tháng		500.000.000	1.100.000.000
6	Khấu hao TSCĐ	12 Tháng	300.000.000	1.800.000.000	3.960.000.000
III	LỢI NHUẬN			1.888.800.000	4.155.360.000

- Thời gian hoàn vốn: dự kiến 6 năm.

6.4. Thanh toán tiền sửa chữa khu nhà Văn phòng

Hiện tại, Công ty đang sử dụng văn phòng tại trụ sở chính ở Phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình có diện tích hơn 2.800m². Để tận dụng tối ưu khu văn phòng, Công ty đã cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên (Sau đây gọi là Công ty Điện Biên) mượn tài sản trên đất là: một phần khu văn phòng có diện tích 2.810,4 m² theo Hợp đồng số 1808/2015-HDTS ngày 01/09/2015 để làm văn phòng làm việc. Theo Hợp đồng nêu trên, SCC cho phép Công ty Điện Biên được quyền sửa chữa khu nhà 2 tầng và khu nhà 3 tầng của Công ty. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Văn phòng cho mượn có hiện trạng hư hỏng và xuống cấp. Vì vậy, để đảm bảo tối đa lợi ích hai bên, SCC đã cho phép Công ty Điện Biên được sửa chữa văn phòng và thực hiện nghiệm thu lại chi phí sửa chữa này vào thời điểm hoàn thành sửa chữa.

Đến ngày 01/08/2019, Các Bên đã có Biên bản làm việc về việc “Thanh toán chi phí sửa chữa tài sản”. Theo đó Công ty Điện Biên sẽ bàn giao các tài sản đã được cải tạo, nâng cấp và xây mới cho SCC và SCC có nghĩa vụ phải thanh toán một phần chi phí sửa chữa cho Công ty Điện Biên. Theo Biên bản làm việc ngày 01/8/2019 và Biên bản nghiệm thu chi phí sửa chữa ngày...../...../....., số tiền Công ty Điện Biên đã chi trả để sửa chữa văn phòng là 5.475.111.788 VNĐ, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Chi phí	Giá trị
1	Chi phí nhân công	2.773.630.000
2	Chi phí vật tư (thiết bị điện, nội thất ...)	1.693.912.686
3	Chi phí cửa kính	557.166.950
4	Chi phí gạch, bê tông	446.263.317
5	Chi phí khác	4.138.835
Tổng giá trị đầu tư		5.475.111.788

Sau khi thống nhất, SCC phải thanh toán chi phí sửa chữa tài sản cho Công ty Điện Biên là 5.235.000.000 VNĐ.

6.5. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

Dự kiến việc phát hành tăng vốn điều lệ sẽ hoàn thành vào thời điểm tháng 12/2019, do đó sẽ được sử dụng phần lớn vào hoạt động kinh doanh năm 2020. Dự kiến kế hoạch kinh doanh 2020 như sau:

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	THÀNH TIỀN
A	DOANH THU	181.588.800.000
I	DOANH THU BÁN HÀNG	174.000.000.000
1	Đất, đá, cát các loại	34.000.000.000
2	Than cám	140.000.000.000
II	DOANH THU DỊCH VỤ	7.588.800.000
1	Cước tàu chở đá 2 tàu	3.840.000.000
2	Cước xe đầu kéo 2 xe	748.800.000
3	Dịch vụ bến cảng	3.000.000.000
B	CHI PHÍ	173.320.000.000
I	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	139.200.000.000
1	Đất, đá và cát các loại	27.200.000.000
2	Than cám	112.000.000.000
II	CHI PHÍ CHUNG	34.120.000.000
1	Chi phí tiền điện + nước	6.480.000.000
2	Chi phí dầu cho 2 xe + Sửa chữa	360.000.000
3	Tiền dầu máy xúc 2 máy + Sửa chữa	420.000.000
3	Chi phí cho tàu (Tiền thuê, Dầu + Lương + Chi phí khác)	1.600.000.000
4	Chi phí lương CBCNV	10.660.000.000
5	Vật tư + Chi phí chung khác (lãi vay..)	6.000.000.000
6	Khấu hao TSCĐ	8.600.000.000
C	LỢI NHUẬN THUẦN	8.268.800.000

7. Ủy quyền việc triển khai Phương án phát hành

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung liên quan đến đợt phát hành như sau:

❖ Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án tăng vốn điều lệ, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của SCC, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo quy định;

❖ Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên vốn mới cơ

quan đăng ký kinh doanh sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;

❖ Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;

❖ Xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có);

❖ Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;

❖ Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt phát hành cho mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;

❖ Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
THƯƠNG MẠI HƯNG LONG BÌNH
HÒA BÌNH**

PHỤ LỤC 01: Danh sách đối tượng được chào bán

TT	Tên cổ đông	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND	Tổng số cổ phiếu hiện tại	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ phiếu mua thêm	Giá mua (VNĐ)	Tổng giá trị mua (VNĐ)	Tỷ lệ sau khi mua thêm (%)
1	Đỗ Văn Trường	28/02/1986	Lại Xuân - Thủy Nguyên - Hải Phòng	031361494	112.400	5,95%	2.520.000	10.000	25.200.000.000	38,11%
2	Nguyễn Đức Thuận	21/02/1989	Phường Mường Thanh - TP. Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên	040830712	0	0%	1.600.000	10.000	16.000.000.000	23,16%
3	Bùi Văn Khải	18/06/1979	Thôn 7 - Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng	031079003275	0	0%	900.000	10.000	9.000.000.000	13,03%
Tổng					112.400	5,95%	5.020.000		50.200.000.000	74,30%